

QUAN ĐIỂM CỦA Ph. ĂNG-GHEN VỀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Trần Ngọc Linh *

Phép biện chứng duy vật là linh hồn của chủ nghĩa Mác. Theo V.I. Lênin, nếu không có phép biện chứng duy vật, thì chủ nghĩa Mác sẽ không còn cơ sở lý luận cơ bản, sẽ “trở thành phiến diện, quái dị, chết cứng”¹.

Mặc dù Ph. Ăng-ghen rất khiêm tốn, luôn tự nhận mình là “cây đàn violon thứ hai”, luôn khẳng định vai trò sáng lập phép biện chứng duy vật hàng đầu là thuộc về Mác, nhưng qua lịch sử hình thành chủ nghĩa Mác nói chung, triết học duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật nói riêng, chúng ta đều nhận thấy những dấu ấn không thể nào phai của Ph. Ăng-ghen.

Trước hết, có thể nói rằng Ph. Ăng-ghen là người đầu tiên đưa ra định nghĩa phép biện chứng một cách đầy đủ, chính xác. Theo Ph. Ăng-ghen, “*phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy*”².

Ph. Ăng-ghen đã khẳng định chính phép biện chứng là một hình thức tư duy quan trọng nhất đối với khoa học, là một công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu khoa học, trong quá trình hình

thành tư duy lý luận, mà tư duy lý luận là một trong những điều kiện quyết định để một dân tộc đứng vững trên đỉnh cao khoa học.

Ph. Ăng-ghen đã khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng từ thời cổ đại đến trước khi hình thành triết học Mác. Theo ông, có hai loại hình thức triết học biện chứng trước Mác. Hình thức thứ nhất là triết học Hy Lạp và hình thức thứ hai là triết học cổ điển Đức từ Can-tơ đến Hê-ghen.

Ph. Ăng-ghen đã phân tích, chỉ ra những ưu điểm cũng như hạn chế của hai hình thức phép biện chứng nói trên.

Đối với hình thức phép biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại, Ph. Ăng-ghen đã chỉ ra ưu điểm của triết học này là có tư duy biện chứng “thuần phác tự nhiên”, quan niệm thế giới tự nhiên là một chỉnh thể, luôn luôn vận động biến đổi và phát triển. Tuy nhiên, hạn chế của phép biện chứng Hy Lạp cổ đại là chưa chứng minh được mối liên hệ phổ biến giữa các hiện tượng tự nhiên một cách chi tiết. Chính vì hạn chế này mà tư duy biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại đã phải nhường chỗ cho những phương pháp tư duy khác.

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

¹ V.I. Lênin. Toàn tập, t.20. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1980, tr.90.

² C. Mác, Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, t.20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1990, tr.201.

Đồng thời, Ph. Ăng-ghe-n cũng nhấn mạnh rằng, với cách nhìn tổng thể, các nhà triết học biện chứng Hy Lạp cổ đại đã đạt được một thành tựu vĩ đại trong tư duy, tạo nên một trong những lý do làm cho “*chúng ta phải luôn luôn trở lại với thành tựu của cái dân tộc nhỏ bé đó, cái dân tộc mà năng lực và hoạt động toàn diện của nó đã tạo ra cho nó một địa vị mà không một dân tộc nào khác có thể mong ước được trong lịch sử phát triển của nhân loại*”³.

Có thể thấy, khi phân tích những ưu điểm và hạn chế của triết học biện chứng Hy Lạp cổ đại, Ph. Ăng-ghe-n đã gửi đến cho người đọc một thông điệp quan trọng: *Vấn đề của tư duy là phải nhìn thấy cái toàn thể (tổng thể), phải nhìn thấy mối liên hệ phổ biến giữa các sự vật trong thế giới hiện thực khách quan; nhận thức của con người cần phải “tiến từ sự hiểu biết cái cá biệt đến sự hiểu biết cái toàn thể, đến sự thấu suốt mối liên hệ phổ biến của sự vật”*⁴.

Khi phân tích hình thức thứ hai của phép biện chứng - “triết học cổ điển Đức từ Can-tơ đến Hê-ghe-n”, Ph. Ăng-ghe-n thừa nhận sự đóng góp của Can-tơ cho khoa học cũng như cho phép biện chứng trong giả thuyết về nguồn gốc của hệ thống mặt trời, trong thuyết tác động của thủy triều làm giảm tốc độ quay của quả đất.

Ph. Ăng-ghe-n cũng đã nhấn mạnh vai trò to lớn của “cương yếu rộng rãi về phép biện chứng trong các tác phẩm của

Hê-ghe-n” đối với sự phát triển của phép biện chứng cũng như đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên. Vai trò to lớn đó, như Ph.Ăng-ghe-n đã chỉ ra, không phải là ở quan điểm duy tâm thần bí của hệ thống triết học Hê-ghe-n. Với điểm xuất phát này, theo Ph.Ăng-ghe-n, phương pháp của Hê-ghe-n lại hoàn toàn vô tác dụng, hoàn toàn không dùng được. Cái làm nên tính tích cực, tính vượt trội của hệ thống Hê-ghe-n so với các hệ thống triết học khác là trong phương pháp tư duy của Hê-ghe-n; “tiến trình tư tưởng” luôn luôn đi “song song với tiến trình của lịch sử toàn thế giới”. Do đó, hệ thống triết học này thấm đẫm nội dung hiện thực, mặc dù, trong hệ thống Hê-ghe-n, mối quan hệ thực sự giữa quá trình hiện thực và quá trình tư tưởng đã bị đảo lộn.

Sau khi đã phân tích những ưu điểm cũng như những hạn chế của hệ thống triết học Hê-ghe-n, Ph. Ăng-ghe-n đã chỉ ra rằng, phương pháp của Hê-ghe-n không thể đóng vai trò là một công cụ hữu hiệu của tư duy lý luận và cải tạo hiện thực. Cần phải phê phán và cải tạo phép biện chứng của Hê-ghe-n cho phù hợp với nhu cầu cấp thiết, khách quan của thời đại lúc bấy giờ. Đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, đầy những trở ngại, đến mức nền triết học quan phương thời đó đã không dám và không thể đảm đương nhiệm vụ này.

Ph. Ăng-ghe-n đã cùng C.Mác phê phán hệ thống triết học Hê-ghe-n một

³ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập, t.20, Nxb . Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, tr.491.

⁴ Như trên.

cách triệt để cùng với việc thừa nhận, kế thừa những hạt nhân hợp lý của hệ thống đó.

Ph. Ăng-ghe-n đã chỉ ra, “*cần phải cứu phép biện chứng tự giác ra khỏi triết học duy tâm Đức và đưa nó vào trong quan niệm duy vật về tự nhiên và về lịch sử*”⁵, cần phải khôi phục lại phương pháp biện chứng, giải phóng nó khỏi những cái vỏ duy tâm, tư biện để nó trở thành một hình thức phát triển duy nhất đúng đắn của tư duy. Ph. Ăng-ghe-n đã cùng với C. Mác thực hiện thành công nhiệm vụ quan trọng nói trên, xây dựng nên phép biện chứng duy vật, kế thừa những ưu điểm và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của phép biện chứng Hy Lạp cổ đại cũng như phép biện chứng duy tâm của hệ thống triết học Hê-ghe-n.

Theo Ph. Ăng-ghe-n, việc xây dựng được phép biện chứng duy vật, đoạn tuyệt với phép biện chứng duy tâm thần bí Hê-ghe-n, phát triển quan điểm của chủ nghĩa duy vật, không phải là một kết quả ngẫu nhiên, mà là kết quả tất yếu của sự phát triển xã hội, triết học và khoa học trước đó, đồng thời cũng là kết quả của một quá trình miệt mài, dày công nghiên cứu của những người có tư duy khoa học chân chính. Ph. Ăng-ghe-n viết: “*Việc phát triển quan điểm duy vật, dù chỉ là trên một ví dụ lịch sử thôi, cũng đã là một công tác khoa học đòi hỏi phải có sự*

nghiên cứu bình tĩnh trong nhiều năm, bởi vì rõ ràng là ở đây, nếu chỉ có những câu nói suông thôi, thì không làm gì được cả và chỉ có dựa vào rất nhiều tài liệu lịch sử đã được thẩm tra lại một cách có phê phán, đã được lĩnh hội một cách đầy đủ, thì mới có thể giải quyết được nhiệm vụ đó”⁶.

Muốn xây dựng được phép biện chứng duy vật, trước hết, phải đoạn tuyệt với hệ thống triết học duy tâm Hê-ghe-n, quay trở lại với những quan điểm của chủ nghĩa duy vật. Theo Ph. Ăng-ghe-n, chủ nghĩa duy vật không có ý nghĩa nào khác hơn là người ta cần quan niệm thế giới hiện thực – giới tự nhiên và lịch sử – đúng như là nó vốn có; cần xem xét các sự vật trong những mối liên hệ, tác động qua lại vốn có của chúng với nhau. Mặt khác, việc xây dựng phép biện chứng duy vật lại cần xuất phát từ khía cạnh cách mạng của hệ thống triết học Hê-ghe-n, tức là phương pháp biện chứng của Hê-ghe-n. Vấn đề là cần phải gạt bỏ sự xuyên tạc mang tính chất duy tâm trong quan niệm của Hê-ghe-n về phép biện chứng. Ph. Ăng-ghe-n đã chỉ ra thực chất sự xuyên tạc đó: “*Ở Hê-ghe-n, sự phát triển biện chứng biểu hiện trong giới tự nhiên và trong lịch sử... chỉ là sự sao chép lại sự tự vận động của ý niệm, một sự tự vận động diễn ra vĩnh viễn không biết ở đâu, nhưng dù sao cũng độc lập với mọi bộ óc đang tư duy của con người*”⁷.

⁵ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập, t.20, Nxb . Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, tr.22

⁶ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập, t.13, Nxb . Chính trị quốc gia Hà Nội, 1993, tr.608.

⁷ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập, t.21, Nxb . Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tr.429.

Dựa vào quan điểm duy vật cho rằng “những ý niệm trong đầu óc của chúng ta là những phản ánh của sự vật hiện thực”, Ph. Ăng-ghe-n đã rút ra kết luận rằng: “*Phép biện chứng được quy thành khoa học về các quy luật chung của sự vận động của thế giới bên ngoài cũng như của tư duy con người*”⁸, rằng: “*Bản thân biện chứng của ý niệm cũng chỉ đơn thuần là sự phản ánh có ý thức của sự vận động biện chứng của thế giới hiện thực*”⁹.

Như vậy, với Ph.Ăng-ghe-n, phép biện chứng của Hê-ghe-n đã được đặt ngược lại, mặt cách mạng của triết học Hê-ghe-n đã được khôi phục, được giải phóng khỏi những hạn chế duy tâm chủ nghĩa, hình thành nên phép biện chứng duy vật.

Ph. Ăng-ghe-n đã nhấn mạnh đến tư tưởng cơ bản vĩ đại của phép biện chứng duy vật cũng như của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đó là tư tưởng cho rằng thế giới hiện thực vốn cố tính vật chất và tính biện chứng, đó là quan niệm thế giới là “*tổng hòa những quá trình trong đó các sự vật, bề ngoài hình như không biến đổi, cũng như các phản ánh tư tưởng của những sự vật đó vào đầu óc chúng ta, tức là những ý niệm, đều phải trải qua một sự biến đổi không ngừng là sự phát sinh và sự tiêu vong; trong đó bất chấp tất cả những sự ngẫu nhiên bề ngoài và tất cả những bước thụt lùi tạm thời, một*

sự phát triển tiến lên rút cuộc vẫn được thực hiện”¹⁰, nói một cách ngắn gọn, là quan niệm cho rằng thế giới về bản chất là một thế giới vật chất luôn luôn vận động và phát triển.

Ph.Ăng-ghe-n cũng chỉ ra sự khác nhau một trời một vực giữa việc thừa nhận phép biện chứng duy vật trên lời nói với sự vận dụng nó vào từng trường hợp riêng biệt, vào từng lĩnh vực nghiên cứu nhất định. Có nhiều trường hợp, ngay cả những nhà khoa học lớn, những nhà tư tưởng, những nhà hoạt động cách mạng, trong nhận thức thừa nhận những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật, nhưng trong hoạt động thực tiễn vẫn vấp phải những sai lầm siêu hình, duy tâm, chủ quan duy ý chí.

Ph.Ăng-ghe-n nhấn mạnh rằng, muốn vận dụng phép biện chứng duy vật một cách triệt để và nhất quán, cần phải xem xét các sự vật trong sự vận động, sự biến đổi, sự sống, trong mối liên hệ, tác động lẫn nhau của chúng, trong mâu thuẫn của chúng. Điều đó có nghĩa là “*phải xuất phát từ những sự kiện đã có*”, chứ “*không thể cấu tạo ra các mối liên hệ để ghép chúng vào sự kiện, mà phải từ các sự kiện đó phát hiện ra mối liên hệ ấy và một khi đã phát hiện ra các mối liên hệ ấy rồi thì phải hết sức chứng minh những mối liên hệ ấy bằng thực nghiệm*”¹¹.

Có thể nói, chính Ph. Ăng-ghe-n và C. Mác đã là những tấm gương vĩ đại,

⁸ Như trên, tr. 429.

⁹ Như trên, tr. 430.

¹⁰ Như trên, tr. 430.

¹¹ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n Toàn tập, t.20, Nxb . Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994 tr.493.

(Xem tiếp trang 57)

thế nào và ai kiểm tra? Trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục về thẩm định kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và thẩm định giáo trình tại trường, Hội đồng Kiểm định cũng có nhận xét rằng, chưa thấy việc chỉnh sửa báo cáo kết quả nghiên cứu và việc chỉnh sửa giáo trình đã biên soạn được thực hiện như thế nào;

- Chưa cung cấp tất cả giáo trình đang giảng dạy cho Thư viện trường để sinh viên được sử dụng;

(Ngày nhận bài: 07/5/2022, ngày phản biện: 10/05/2022, ngày duyệt đăng: 16/5/2022)

- Bài giảng của giảng viên chưa được thẩm định qua Hội đồng;

- Theo quy định, giáo trình phải được một nhà xuất bản chịu trách nhiệm xuất bản, nhưng hiện nay trường vẫn đang xuất bản nội bộ và lưu hành nội bộ.

Tình hình trên đây đòi hỏi Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội cần khẩn trương triển khai thực hiện Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

QUAN ĐIỂM CỦA Ph. ĂNG-GHEN...

(Tiếp theo trang 53)

sáng ngời trong việc vận dụng phép biện chứng duy vật vào nghiên cứu khoa học, vào hoạt động thực tiễn cách mạng, cải tạo thế giới hiện thực, thúc đẩy sự phát triển của thế giới hiện thực.

Trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thấu suốt linh hồn của phép biện chứng duy vật vận dụng vào công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, chúng ta có thể rút ra kết luận có tính phương pháp luận như sau:

Thứ nhất, công cuộc đổi mới ở nước ta là đổi mới toàn diện mọi mặt, mọi lĩnh vực của nền kinh tế-xã hội.

Thứ hai, chúng ta phải xây dựng được một đường lối chiến lược tổng thể, tính đến mọi mối liên hệ có thể có giữa các yếu tố, các bộ phận cấu thành nền kinh tế - xã hội nước ta, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần,...

(Ngày nhận bài: 06/4/2022, ngày phản biện: 10/05/2022, ngày duyệt đăng: 26/5/2022)

Thứ ba, một mặt, chúng ta phải nghiên cứu hết sức tỉ mỉ, sâu sắc từng lĩnh vực cụ thể, từng yếu tố cụ thể trong toàn bộ nền kinh tế - xã hội, đồng thời, chúng ta cũng phải xác định được đầy đủ mối liên hệ biện chứng, hữu cơ, tác động qua lại giữa các yếu tố, bộ phận cụ thể ấy với nhau, với tổng thể toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Thứ tư, trong thực tế quá trình đổi mới vừa qua từ 1986 đến nay, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy khi nào và ở đâu thực hiện đúng yêu cầu của phép biện chứng duy vật, thì lúc đó và ở đó, quá trình đổi mới đạt được những thành tựu đáng kể. Ngược lại, nếu không thực hiện đúng những yêu cầu của phép biện chứng duy vật, quá nhân mạnh, tuyệt đối hóa một yếu tố nào đó, một bộ phận nào đó, mà không tính đến mối liên hệ, tác động qua lại, không có những giải pháp tổng thể, thì sẽ không đạt được kết quả như mong muốn, hoặc thậm chí gặp thất bại./.